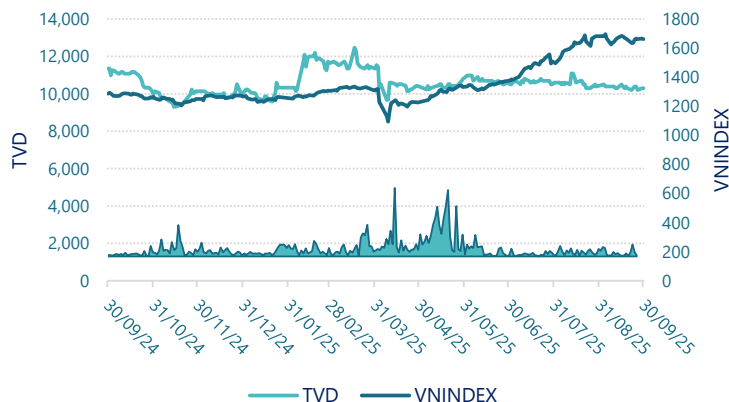




CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin (HNX: TVD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,468
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,304
SL cổ phiếu LH	44,962,864
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,280
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	463
P/E	2.7
EPS	3,778

DT thuần

Q3/25

4,627

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2,953 | 176%

YoY: ▲ 3,396 | 276%

LN sau thuế

Q3/25

50.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 32.4 | 176%

YoY: ▲ 108 | 189%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.2%

+/- YoY: ▲ 7.2%

DT thuần

9T 2025

7,950

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3,176 | 66.5%

LN sau thuế

9T 2025

87.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 75.5 | 636%

ROE

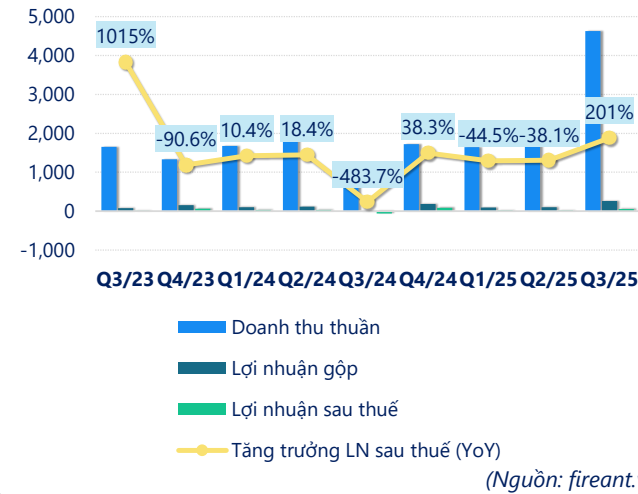
Q3/25

27.7%

+/- YoY: ▲ 16.0%

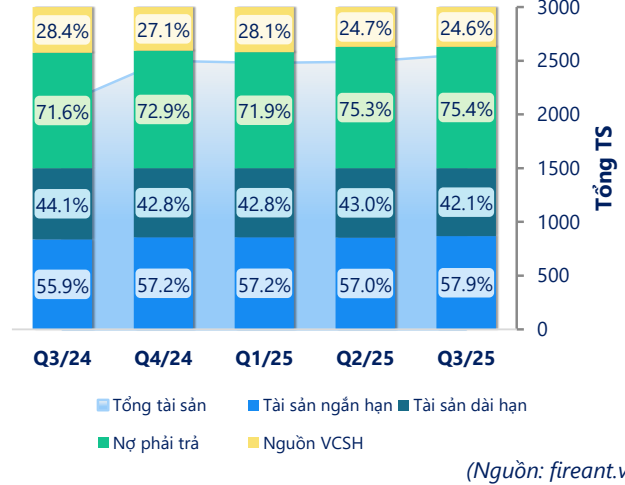
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

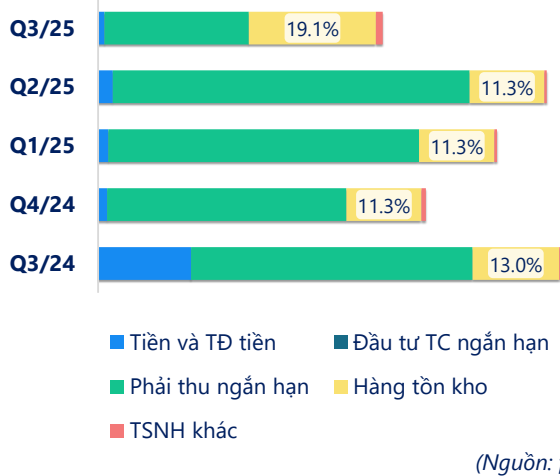


Cơ cấu Tổng tài sản

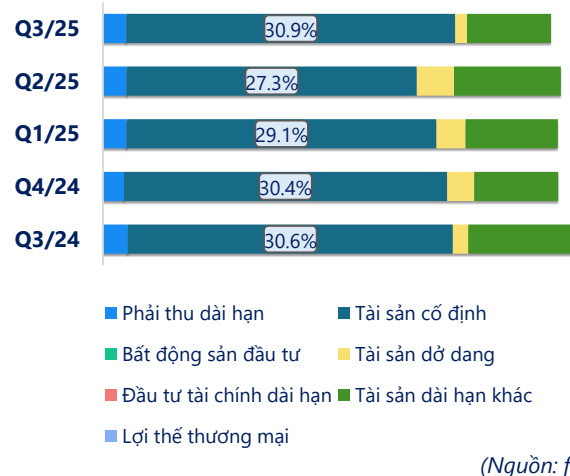
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

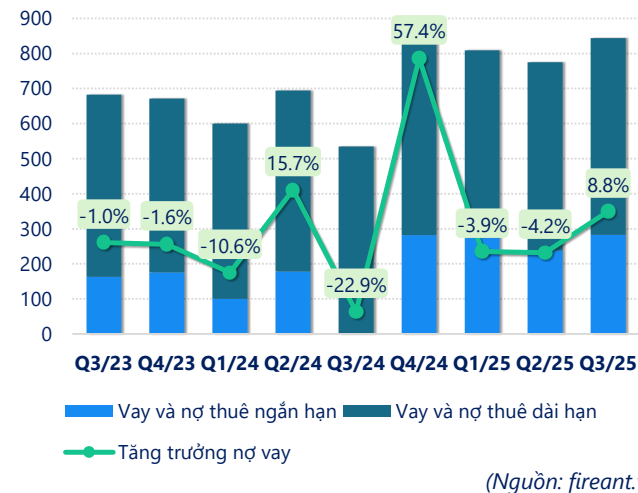


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



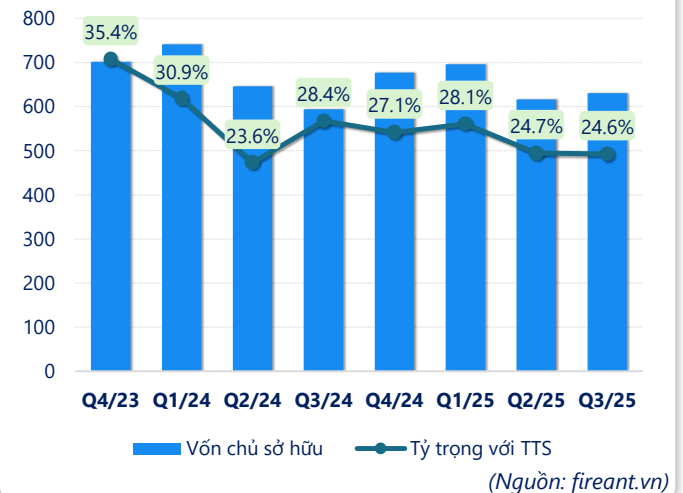
tỷ VNĐ

Nợ vay

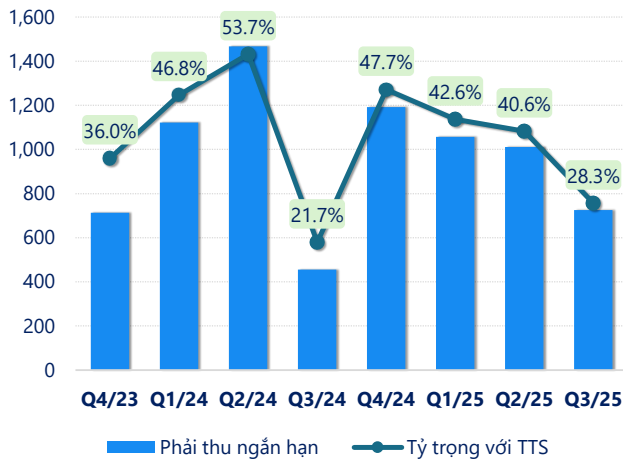


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

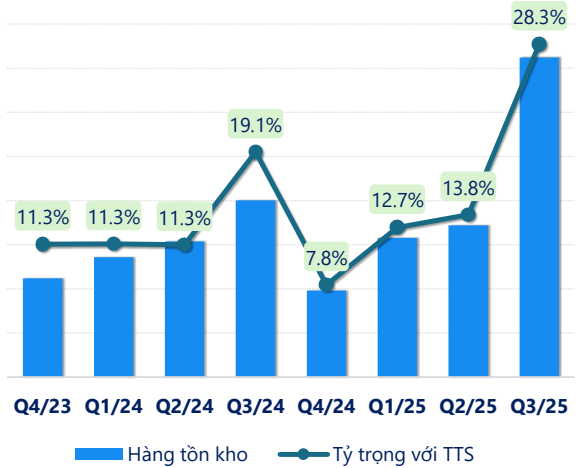


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


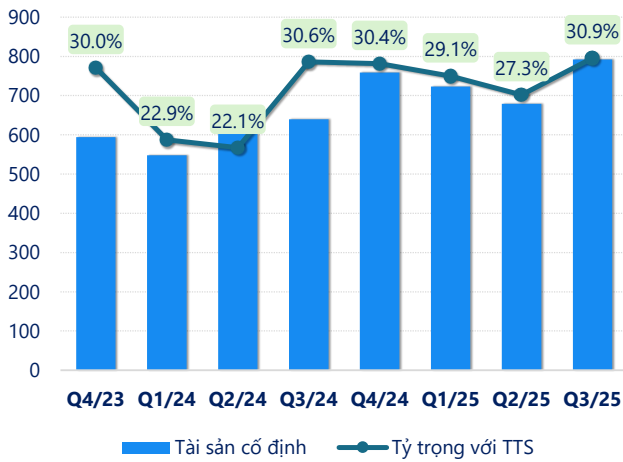
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


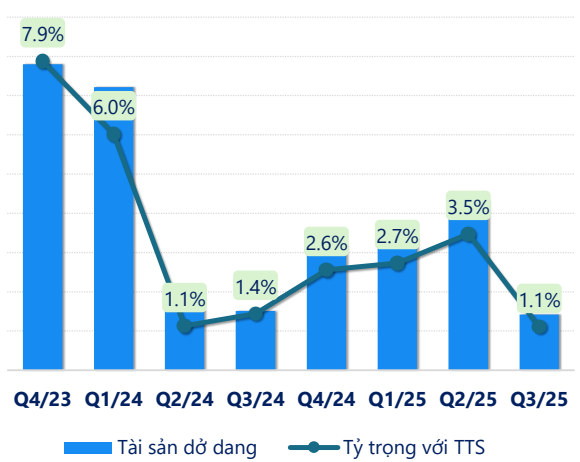
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

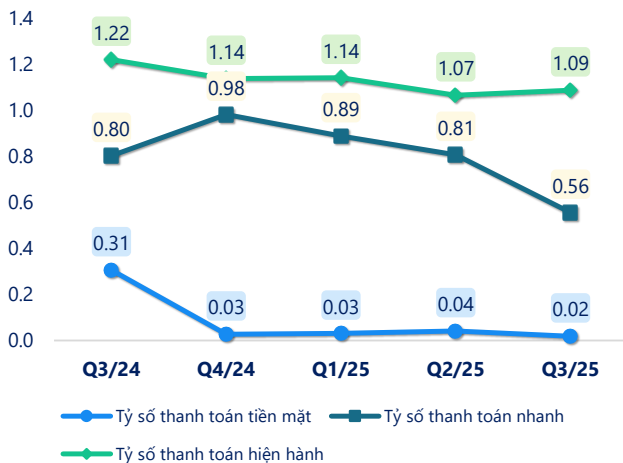
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

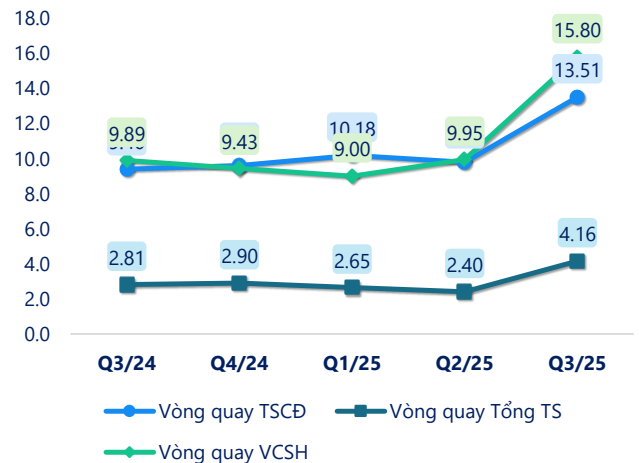
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,094	2,499	2,481	2,490	2,560
Tài sản ngắn hạn	1,170	1,429	1,419	1,418	1,481
Tiền và tương đương tiền	293	33.6	37.9	54.9	24.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	455	1,191	1,057	1,011	725
Hàng tồn kho	401	196	315	344	724
Tài sản ngắn hạn khác	21.2	8.20	8.91	8.58	6.71
Tài sản dài hạn	924	1,070	1,061	1,072	1,078
Phải thu dài hạn	49.0	49.4	55.2	55.6	56.0
Tài sản cố định	640	759	723	679	792
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	30.2	63.9	67.9	86.6	28.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	205	197	215	250	202
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,500	1,822	1,785	1,874	1,929
Nợ ngắn hạn	958	1,255	1,242	1,330	1,361
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	282	274	238	282
Phải trả người bán ngắn hạn	521	503	529	610	506
Nợ dài hạn	542	567	542	544	568
Vay và nợ thuê dài hạn	535	560	536	537	561
Nguồn vốn chủ sở hữu	594	677	696	616	630
Vốn chủ sở hữu	594	677	696	616	630
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)